TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 12 - 9 - 2023.
V/v: " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Đội 1 Quần Lương, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: TDP Cát Phong, TT Cát Thành, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Mai Thành N; sinh năm 1983; Nơi cư trú: Đội 1 Quần Lương, xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có mặt, anh N vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Mai Thành N kết hôn vào ngày 13/01/2012 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lần mâu thuẫn gần đây nhất là vào ngày 05/04/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/05/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị T đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Chính H, sinh ngày 07/01/2013 và Mai Tuệ T1, sinh ngày 25/04/2018. Hiện các con chung đang ở với anh N. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung là Mai Tuệ T1 và để anh N nuôi dưỡng con chung là Mai Chính H. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Mai Thành N trình bày: Anh xác nhận quá trình và thời điểm kết hôn như chị T đã trình bày. Anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh vẫn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Trường hợp chị T quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị T đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại cháu Mai Chính Huy bị bệnh bại não, không thể tự chăm sóc được bản thân, cần phải có người trợ giúp cháu trong sinh hoạt hàng ngày. Anh mong muốn được nuôi cả hai con chung để có anh có em giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị Bùi Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Chị đề nghị ly hôn với anh Mai Thành N. Về con chung, sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Mai Tuệ T1 (Hiện đang ở với chị từ tháng 7/2023, đang học tại Trường mầm non Trực Cát) và để anh N nuôi dưỡng con chung là Mai Chính H (Hiện đang ở với anh N). Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, công nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị T và anh N mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82;

83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX:

- Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Mai Thành N.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Mai Tuệ T1, sinh ngày 25/04/2018 và giao cho anh Mai Thành N nuôi dưỡng con chung là Mai Chính H, sinh ngày 07/01/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Bùi Thị T và anh Mai Thành N kết hôn vào ngày 13/01/2012 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân tháng 05/2023 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị T đề nghị xin được ly hôn với anh N.

Anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị T quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh N đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân, quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị T xin ly hôn, anh N nhất trí là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Chị T và anh N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con

chung. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo môi trường sống cho con chung cần giao cho chị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Mai Tuệ T1, sinh ngày 25/04/2018. Giao cho anh N trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Mai Chính H, sinh ngày 07/01/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Theo anh N trình bày: Hiện tại cháu Mai Chính H bị bệnh bại não, không thể tự chăm sóc được bản thân, cần phải có người trợ giúp cháu trong sinh hoạt hàng ngày. Anh N có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về yêu cầu cấp dưỡng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Chị T và anh N có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải phải nộp án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Mai Thành N.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Mai Tuệ T1, sinh ngày 25/04/2018. Giao cho anh Mai Thành N trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Mai Chính Huy, sinh ngày 07/01/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Hiện con chung Mai Chính Huy đang ở cùng anh N. Con chung Mai Tuệ T1 đang ở cùng chị T. Anh N, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002291 ngày 18/05/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Trực Tuấn;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà